

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2023/HSPT
Ngày 28/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trịnh Văn Toàn.

2. Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 175/2023/TLPT-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Xuân T, Lê Công H, Phạm L phạm tội “Đánh bạc”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HSST ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Xuân T** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1962 tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; con ông Trần Xuân C và Lê Thị H (đã chết); bị cáo có vợ là Trương Thị B, sinh năm 1961 và có 07 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/3/2023 đến 09/3/2023 cho gia đình bảo lãnh; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Công H** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1961; tại tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; con ông Lê Công H1 (đã chết) và bà Phan Thị G; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 2000 hiện đang cư trú tại Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/3/2023 đến 09/3/2023 cho gia đình bảo lãnh; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm L** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1959; tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; con ông Phạm N và bà Hoàng Thị T (đều đã chết); bị cáo có vợ là Phan Thị L, sinh năm 1962 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/3/2023 đến 09/3/2023 cho gia đình bảo lãnh; hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa

** Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Ngọc C2, sinh năm 1962, có mặt tại phiên tòa

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983.

Cùng trú tại: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 28/02/2023, tại nhà của ông Nguyễn Ngọc C2 tổ chức uống rượu có sự tham gia của các ông Nguyễn Ngọc C2, Phạm L, Trần Xuân T, Lê Đình C1, Lê Công H, Phạm Văn T1; Hoàng Đ, Nguyễn Văn N, Ngô Đ, Lê Ngọc H và Phan Trung T. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, các ông Phạm Văn T1, Hoàng Đ, Ngô Đ, Lê Ngọc H và Phan Trung T đi về trước; ông Nguyễn Văn N đi dự tiệc đám cưới tại thôn 1, xã E, huyện C, còn ông C2 đi dự tiệc trước đám cưới rồi đi thăm người ốm tại thôn 5, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Lúc này, tại nhà ông C2 còn lại 04 người, gồm Phạm L, Trần Xuân T, Lê Đình C1 và Lê Công H tiếp tục ngồi lại thì T có nói với L là “Có làm tý cào liêng kiểm tiền mua rượu uống không?” thì L đồng ý đánh bài cào liêng ăn thua bằng tiền Việt Nam đồng với T. Sau đó, T lấy bộ bài tây (*Tú lơ khơ 52 lá*) có sẵn tại nhà ông C2 gần vị trí mọi người ngồi uống rượu (*do ông C2 làm nghề thầy cúng nên trong nhà lúc nào cũng để sẵn bộ bài*) và lấy 01 cái chăn màu đỏ đang treo trên chiếc đinh gắn trên tường nhà ông C2 trải xuống chiếu đang ngồi để đánh bạc. Lúc đầu chỉ có T và L đánh bạc với nhau, còn H và C1 ngồi uống rượu. Khoảng 15 phút sau, H và C1 cũng tham gia đánh bạc với T và L. Cả 04 người đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào liêng được thua bằng tiền cụ thể như sau: sử dụng bài Tú lơ khơ 52 lá để đánh bạc, mỗi ván bài bắt đầu một người trình tiền trước ít nhất 200.000 đồng. Khi tổ hết số tiền này thì không được tổ thêm và khi ván bài kết thúc xong nếu ai hết số tiền đã bỏ ra thì tiếp tục lấy tiền trong người ra để trình tiền như nêu trên, mỗi ván bài bắt đầu thì mỗi người đặt cược (*đậu nước*) 20.000 đồng và được chia đều 03 lá bài, sau khi dùng đặt cược (*không tổ*) thì tiến hành so bài với nhau nếu bài ai lớn thì ăn toàn bộ số tiền của ván cược đó. Bài được tính từ lớn tới nhỏ như sau: nếu 03 lá bài giống nhau thì gọi là sập; nếu 03 lá liên tiếp không cần cùng chất gọi là liêng; 03 lá hình người gọi là ảnh; ngoài những trường hợp trên thì tính điểm từ 1 đến 9 (*lớn nhất*). Nếu mỗi ván bài có ít nhất 02 người trở lên có bài giống nhau thì tính tài lớn hơn ăn (*trong đó tính từ lớn tới nhỏ và đến chất cơ, rô, chuồn, bích*). Khi

chia bài xong tính từ phải sang trái, người chia bài có quyền tổ hoặc bỏ bài, sau đó đến người tiếp theo cho đến người cuối cùng, mỗi lần tổ ít nhất 20.000 đồng, nhiều nhất tùy vào mỗi ván bài không quy định số tiền nhưng mỗi người tổ không quá số tiền đã bỏ ra. Nếu tất cả những người trên không đánh (*úp bài*) thì người cuối cùng sẽ thắng hoặc khi không còn ai tổ và cân tiền thì tiến hành lật bài để so sánh kết quả nếu người nào lớn nhất thì ăn tất cả số tiền có trên chiếu ít nhất mỗi ván bài ăn được tổng 80.000 đồng, nhiều nhất tùy vào mỗi ván bài tổ bao nhiêu tiền.

Cả 04 người đánh bạc đến khoảng 19 giờ 35 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an xã E phát hiện và bắt quả tang; thu giữ tổng số tiền 8.050.000 đồng, trong đó thu trên chiếu bạc 7.500.000 đồng và thu trên người Phạm L 200.000 đồng, Trần Xuân T 200.000 đồng, Lê Đình C1 150.000 đồng và các đồ vật, tài liệu khác có liên quan. Sau đó, Công an xã E đã chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định được Phạm L dùng số tiền 1.700.000 đồng để đánh bạc; Trần Xuân T dùng số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc (*gồm 700.000 đồng mà T mang theo và mượn của H 500.000 đồng*); Lê Công H mang theo số tiền 4.000.000 đồng, cho T mượn 500.000 đồng và sử dụng 3.500.000 đồng để đánh bạc; Lê Đình C1 dùng số tiền đánh bạc là 1.650.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, các bị cáo không xác định được thua hay thắng.

*** Về vật chứng:**

Quá trình bắt quả tang Công an xã E đã thu giữ và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, gồm: số tiền 8.050.000 đồng (*trong đó thu trên chiếu bạc 7.500.000 đồng; thu trên người bị cáo Phạm L 200.000 đồng, Trần Xuân T 200.000 đồng và Lê Đình C1 150.000 đồng*); 01 chiếc chiếu hình chữ nhật, kích thước 170 cm x 130 cm, màu trắng đỏ (*đã cũ*); 01 cái chăn hình chữ nhật, kích thước 80 cm x 170 cm màu đỏ (*đã cũ*); 01 bộ bài tây (*gồm 52 lá*) đã qua sử dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2023/HS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Xuân T, Lê Công H, Phạm L phạm tội “Đánh bạc”

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân T 01 (một) năm 01 tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/3/2023 đến ngày 09/3/2023.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Công H 01 năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/3/2023 đến ngày 09/3/2023.

- Xử phạt bị cáo Phạm L 10 (mười) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/3/2023 đến ngày 09/3/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo khác, quyết định về xử lý vật chứng, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/6/2023 và ngày 20/6/2023 bị cáo Trần Xuân T, Lê Công H và Phạm L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra và cho rằng: Về tội danh và điều luật áp dụng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt 01 năm 01 tháng tù đối với bị cáo Trần Xuân T; mức hình phạt 01 năm tù đối với bị cáo Lê Công H; mức hình phạt 10 tháng tù đối với bị cáo Phạm L mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân T, Lê Công H và Phạm L, sửa bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng; Xử phạt bị cáo Lê Công H 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng; Xử phạt bị cáo Phạm L 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng;.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào ngày 28/02/2023 tại nhà ông Nguyễn Ngọc C2, địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Phạm L, Trần Xuân T, Lê Công H và Lê Đình C1 sau khi uống rượu đã rủ nhau đánh bạc trái phép, dưới hình thức đánh bài cào liêng, được thua bằng tiền. Khi tham gia đánh bạc, L dùng số tiền 1.700.000 đồng; T dùng số tiền 1.200.000 đồng (700.000 đồng mang theo và mượn của H 500.000 đồng); H dùng số tiền 3.500.000 đồng, tất cả dùng hết để đánh bạc. Đến khoảng 19 giờ 35 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an xã E

phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tổng số tiền 8.050.000 đồng, trong đó thu tại chiếu bạc số tiền 7.500.000 đồng và thu trên người Phạm L 200.000 đồng, Trần Xuân T 200.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Xuân T, Lê Công H, Phạm L về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của các bị cáo Trần Xuân T, Lê Công H, Phạm L, HĐXX thấy rằng: Mức hình phạt 01 năm 01 tháng tù đối với bị cáo Trần Xuân T, 01 năm tù đối với bị cáo Lê Công H và 10 tháng tù đối với bị cáo Phạm L mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, bởi lẽ số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc ít, tính chất thắng thua không lớn và các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo là những người cao tuổi (trên 60 tuổi), sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bên cạnh đó, tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ mới gồm: Đối với bị cáo Lê Công H hiện đang phải nuôi dưỡng, chăm sóc con gái Lê Thị H là đối tượng khuyết tật nặng đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội; Bị cáo Phạm L đã có thời gian tham gia quân ngũ, là tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội, mà cho bị cáo Trần Xuân T được hưởng án treo; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lê Công H và bị cáo Phạm L để các bị cáo tự cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt cho các bị cáo. Do các bị cáo Lê Công H, Phạm L có hoàn cảnh khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[3] Về án phí: Các bị cáo Trần Xuân T, Lê Công H, Phạm L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, đ, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân T, bị cáo Lê Công H, bị cáo Phạm L, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Xuân T, Lê Công H, Phạm L phạm tội “Đánh bạc”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân T 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Công H 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt: Bị cáo Phạm L 01 (một) năm 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ 09 ngày (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tương ứng với 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Công H và bị cáo Phạm L cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lê Công H và bị cáo Phạm L tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo Lê Công H và bị cáo Phạm L.

[3] Về án phí: Các bị cáo Trần Xuân T, Lê Công H, Phạm L được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung